

MA TRẬN, ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN LỚP 6

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao					Tỉ lệ % điểm
														Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	Biết	Hiểu	VD, VDC	
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	3 (0,75)		1 (0,25)			1 (0,5)			6 (1,5)	5 (1,75)	3 (2,25)	55%
		Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.	2 (0,5)		2 (0,5)	1 (0,75)		1 (1,0)		1 (0,5)				
		Hai bài toán về phân số.	1 (0,25)		1 (0,25)									
2	Chương VII. Số thập phân	Số thập phân. Tính toán với số thập phân.	3 (0,75)	1 (0,5)	1 (0,25)	1 (0,75)					5 (1,5)	2 (0,75)		22,5%
		Làm tròn và ước lượng	1 (0,25)											
3	Chương VIII. Những	Điểm và đường thẳng. Điểm	3 (0,75)	1 (1,0)							5 (2,0)	1 (0,25)		22,5%

	hình hình học cơ bản	nằm giữa hai điểm. Tia												
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.	1 (0,25)		1 (0,25)									
Tổng số câu			14	2	6	2		2		1				100%
Tổng số điểm			3,5	1,5	1,5	1,5	1,5		0,5		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			50%		30%		15%		5%		50%	30%	20%	100%

Lưu ý:

+ Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

ST T	Chủ đề/Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	Nhận biết: - Nhận biết được phân số bằng nhau, phân số không bằng nhau, phân số tối giản. - Nhận biết được phân số tương ứng với hỗn số cho trước. - Nhận biết được hỗn số dương. Thông hiểu: - Lập được phân số từ bài toán thực tế đơn giản. Vận dụng: Vận dụng phép so sánh phân số để tìm ẩn.	3		1			1		
		Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.	Nhận biết: - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. Thông hiểu: - Tìm được x trong bài toán tìm x. - Tính được phép cộng phân số trong bài toán thực tế đơn giản. Vận dụng: Kết hợp các phép toán về phân số và hai bài toán về phân số giải quyết bài toán thực tế. Vận dụng cao: - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính	2		2	1		1		1

			toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí)								
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>	Nhận biết: - Phân biệt được hai bài toán về phân số. Thông hiểu: - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.	1		1					
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. - Nhận biết được phân số thập phân. - Biết làm tròn số cho trước. - Biết tính toán đơn giản số thập phân. Thông hiểu: - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Sử dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí)	4	1	1	1				
3	Chương VIII. Những hình học cơ bản	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm</i>	Nhận biết: - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề	3	1						

		giữa hai điểm. Tia.	và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia.								
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.	Nhận biết: - Nhận biết được đoạn thẳng cho trong hình vẽ. Thông hiểu: - Tính được độ dài của đoạn thẳng.	1		1					
Tổng số câu				14	2	6	2		2		1
Tổng số điểm				10	3,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0,5	
Tỉ lệ %				100%	50%	30%		15%		5%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

Họ tên : Số báo danh :

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (5,0 điểm)

Câu 1: Phân số nào không bằng phân số $\frac{7}{3}$?

- A. $\frac{-21}{-9}$. B. $\frac{21}{9}$. C. $\frac{-35}{-15}$. D. $\frac{15}{6}$.

Câu 2: Tìm x biết $x : \frac{3}{4} = \frac{-8}{7}$.

- A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{-6}{7}$. C. $\frac{-96}{28}$. D. $\frac{-8}{4}$.

Câu 3: Trên đường thẳng xy , lấy ba điểm B, E, U theo thứ tự ấy sao cho $BE = 4\text{cm}$, $EU = 10\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng BU bằng

- A. 14cm . B. 7cm . C. 10cm . D. 6cm .

Câu 4: Hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Biết trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy được $\frac{3}{7}$ bể, vòi thứ hai chảy được $\frac{6}{35}$ bể, hỏi cả hai vòi trong 1 giờ chảy được mấy phần bể?

- A. $\frac{3}{5}$. B. $\frac{4}{15}$. C. $\frac{7}{20}$. D. $\frac{7}{10}$.

Câu 5: Trong các phân số sau, phân số nào không phải là phân số thập phân?

- A. $\frac{-128}{100}$. B. $\frac{97}{1000}$. C. $\frac{68}{1000}$. D. $\frac{16}{51}$.

Câu 6: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{-30}{9}$. B. $\frac{40}{-12}$. C. $\frac{30}{-9}$. D. $\frac{-10}{3}$.

Câu 7: Trong hình dưới, cho bốn điểm J, K, M, N thuộc đường thẳng d và điểm Q không thuộc đường thẳng d . Hãy chọn bộ ba điểm thẳng hàng.



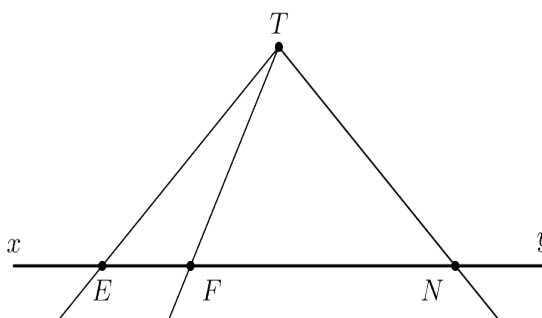
- A. (K, M, N) . B. (M, N, Q) . C. (J, K, Q) . D. (K, M, Q) .

Câu 8: Tính $\frac{8}{15}$ của -60 .

- A. -34 . B. -30 . C. -32 . D. -33 .

Câu 9: Quan sát hình vẽ chọn khẳng định đúng.

- A. Tia Nx và tia Ny là hai tia trùng nhau.
B. Tia FE và tia Fx là hai tia đối nhau.
C. Tia FN và tia Fy là hai tia trùng nhau.
D. Tia FN và tia Fy là hai tia đối nhau.



Câu 10: Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần từ trái qua phải
0,071; 1,619; 0,156; 0,112; 0,182; 0,073

- A. 0,071; 0,073; 1,619; 0,156; 0,112; 0,182.
B. 0,071; 0,073; 0,112; 0,156; 0,182; 1,619.
C. 0,156; 1,619; 0,112; 0,073; 0,182; 0,071.
D. 0,071; 0,182; 0,112; 0,156; 0,073; 1,619.

Câu 11: Tính $\frac{2}{3} \cdot \frac{-2}{5}$ bằng

- A. $\frac{26}{15}$. B. $\frac{-19}{15}$. C. $\frac{11}{15}$. D. $\frac{-4}{15}$.

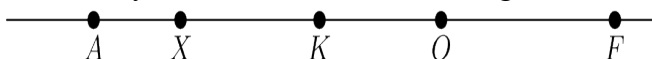
Câu 12: Trong các số sau số nào là số thập phân âm?

- A. -1,12. B. 56,13. C. 20,21. D. 3,3.

Câu 13: Một căn chung cư có tổng diện tích $101(m^2)$ trong đó phòng khách có diện tích $16(m^2)$.
Hỏi phòng khách chiếm bao nhiêu phần tổng diện tích?

- A. $\frac{13}{101}$. B. $\frac{16}{101}$. C. $\frac{17}{101}$. D. $\frac{101}{16}$.

Câu 14: Trong hình dưới, hãy chỉ ra tất cả các điểm nằm giữa hai điểm A và O .



Hình a

- A. X, O . B. K, O . C. X . D. X, K .

Câu 15: Làm tròn số 0,773525 đến hàng phần trăm.

- A. 0,78. B. 0,79. C. 0,76. D. 0,77.

Câu 16: Đổi hỗn số $3\frac{5}{7}$ bằng phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{111}{28}$. B. $\frac{33}{7}$. C. $\frac{97}{28}$. D. $\frac{26}{7}$.

Câu 17: Thực hiện tính $71,3 + 33,2$.

- A. 104,2. B. 104,7. C. 104,6. D. 104,5.

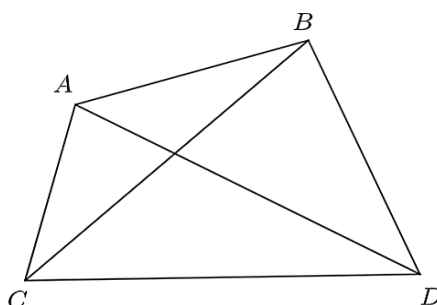
Câu 18: Tính $\frac{-7}{2} + \frac{8}{2}$ bằng

- A. $\frac{1}{-2}$. B. $\frac{-1}{2}$. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{5}{-2}$.

Câu 19: Bạn Thu đọc được 144 trang của một quyển truyện. Thu nói rằng mình đã đọc được $\frac{9}{10}$ số trang của quyển truyện đó. Tìm số trang của quyển truyện?

- A. 162. B. 159. C. 158. D. 160.

Câu 20: Cho hình vẽ dưới đây.



Số đoạn thẳng trong hình trên là

- A. 8. B. 6. C. 10. D. 4.

Phần II. Tự luận (5,0 điểm)

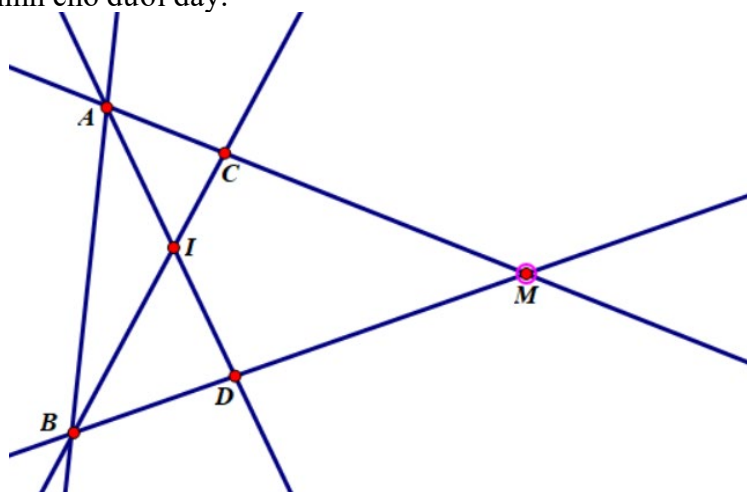
Câu 1. (2,0 điểm)

- a) Tìm số đối của các số sau: $-30,48$ và 2026 .
- b) Tính hợp lí: $(27,35 - 5,57) - (14,43 + 27,35)$.
- c) Tìm x biết $\frac{2}{3} + \frac{3}{4} \cdot x = \frac{-5}{6}$.

Câu 2. (1,5 điểm)

- a) Khối lượng hàng hóa x (tấn) của một xe tải là một số nguyên thỏa mãn: $2 < \frac{x}{6} < \frac{7}{3}$. Hãy tìm khối lượng x đó.
- b) Một trường học phát động phong trào tặng sách cho các em học sinh khóa sau. Biết rằng cuối năm, ba lớp $6A$, $6B$, $6C$ đã quyên góp được tổng 300 quyển sách. Trong đó lớp $6A$ quyên góp được số sách bằng $\frac{1}{5}$ tổng số sách của cả ba lớp quyên góp được, số sách lớp $6B$ quyên góp được bằng $\frac{3}{2}$ số sách quyên góp được của lớp $6A$. Hỏi mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

Câu 3. (1,0 điểm) Quan sát hình cho dưới đây.



- a) Kể tên hai bộ ba điểm thẳng hàng.
- b) Điểm C nằm giữa hai điểm nào?
Hai điểm nào nằm cùng phía đối với điểm D ?
- c) Hai đường thẳng AC và BD cắt nhau tại điểm nào?

Câu 4. (0,5 điểm)

Cho biểu thức $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{49^2} + \frac{1}{50^2}$. Hãy so sánh A với $\frac{49}{102}$.

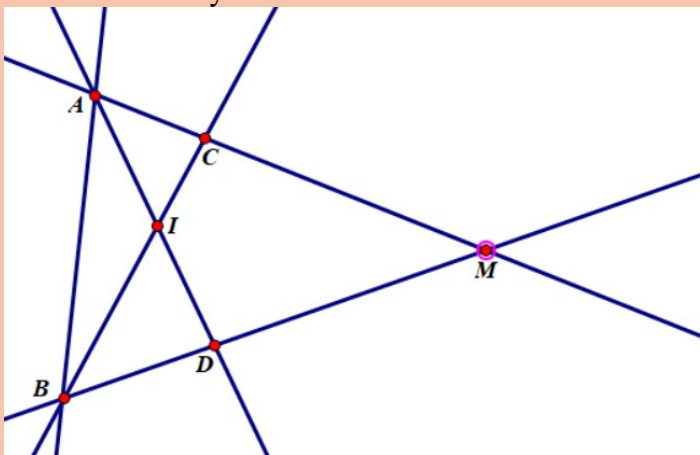
-----Hết-----

D. ĐÁP ÁN – LỜI GIẢI CHI TIẾT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6**TRƯỜNG THCS ĐÔI NGÔ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: TOÁN – LỚP 6****NĂM HỌC: 2025 – 2026****A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)****BẢNG ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	A	A	D	D	A	C	C	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	B	D	D	D	D	C	D	B

B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu		Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	a)	Tìm số đối của các số sau: $-30,48$ và 2026 .	
		Số đối của số $-30,48$ là $30,48$. Số đối của 2026 là -2026	0,25 0,25
	b)	Tính hợp lí: $(27,35 - 5,57) - (14,43 + 27,35)$.	
		$(27,35 - 5,57) - (14,43 + 27,35)$ $= 27,35 - 5,57 - 14,43 - 27,35$	0,25
		$= (27,35 - 27,35) - (14,43 + 5,57)$ $= 0 - 20$ $= -20$	0,25 0,25
	c)	Tìm x biết $\frac{2}{3} + \frac{3}{4} \cdot x = \frac{-5}{6}$.	
		$\frac{3}{4} \cdot x = \frac{-5}{6} - \frac{2}{3}$ $\frac{3}{4} \cdot x = -\frac{3}{2}$	0,25
		$x = -\frac{3}{2} : \frac{3}{4}$ $x = -2$ KL:	0,25 0,25
Câu 2 (1,5 điểm)	a)	Khối lượng hàng hóa x (tấn) của một xe tải là một số nguyên thỏa mãn: $2 < \frac{x}{6} < \frac{7}{3}$. Hãy tìm khối lượng x đó.	
		Ta có: $2 < \frac{x}{6} < \frac{7}{3}$, suy ra $12 < x < 14$	0,25
		Mà $x \in \mathbb{Z}$ nên $x = 13$	0,25
	b)	Một trường học phát động phong trào tặng sách cho các em học sinh khóa sau. Biết rằng cuối năm, ba lớp 6A, 6B, 6C đã quyên góp được tổng 300 quyển sách. Trong đó lớp 6A quyên góp được số sách bằng $\frac{1}{5}$ tổng số sách của cả ba lớp quyên góp được, số sách lớp 6B quyên góp bằng $\frac{3}{2}$ số sách quyên góp được của lớp 6A. Hỏi mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển sách.	

		Số sách lớp 6A quyên góp được là: $300 \cdot \frac{1}{5} = 60$ (quyển sách)	0,25
		Số sách lớp 6B quyên góp được bằng $\frac{3}{2}$ số sách của lớp 6A, nên số sách lớp 6B quyên góp được là: $60 \cdot \frac{3}{2} = 90$ (quyển sách)	0,25
		Số sách lớp 6C quyên góp được là: $300 - 60 - 90 = 150$ (quyển sách)	0,25
		KL:	0,25
Câu 3 (1,0 điểm)		Quan sát hình cho dưới đây.  a) Kể tên hai bộ ba điểm thẳng hàng. b) Điểm C nằm giữa hai điểm nào? Hai điểm nào nằm cùng phía đối với điểm D? c) Hai đường thẳng AC và BD cắt nhau tại điểm nào?	
	a)	Kể tên được hai trong bốn bộ ba điểm thẳng hàng có trong hình là: A, C, M ; A, I, D ; B, D, M ; B, I, C .	0,5
	b)	Điểm C nằm giữa hai điểm A và M. Hai điểm nằm cùng phía đối với điểm D là: A, I.	0,25
	c)	Hai đường thẳng AC và BD cắt nhau tại điểm M	0,25
Câu 4 (0,5 điểm)		Cho biểu thức $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{49^2} + \frac{1}{50^2}$. Hãy so sánh A với $\frac{49}{102}$.	
		Ta có $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{49^2} + \frac{1}{50^2} > \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \frac{1}{4 \cdot 5} + \dots + \frac{1}{49 \cdot 50} + \frac{1}{50 \cdot 51}$	
		$A > \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{50} - \frac{1}{51}$	0,25
		$A > \frac{1}{2} - \frac{1}{51} \text{ hay } A > \frac{49}{102}.$ Vậy $A > \frac{49}{102}$	0,25
TỔNG			10